

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC HÀ
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 24/10/2018

V/v: Không công nhận là vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC HÀ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Quang Nghị

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tùng Long
2. Ông Nguyễn Khắc Diện

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2018 tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lộc Hà, tỉnh Hà Tĩnh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 32/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 5 năm 2018 về việc chị Nguyễn Thị L yêu cầu không công nhận là quan hệ vợ chồng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXX-ST ngày 06 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1979; trú tại: Thôn 6, xã Bình L, huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh (*Có mặt*).

2. *Bị đơn:* Anh **Phan Hữu Tr**, sinh năm 1966; trú tại: Thôn 6, xã Bình L, huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh (*Vắng mặt*).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Nguyễn Đình G, Luật sư, Văn phòng Luật sư Lê H, Đoàn Luật sư Hà Tĩnh (*Có mặt*).

3. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chi nhánh huyện Lộc H, đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Hải B, cán bộ tín dụng (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 02/5/2018 cũng như trong quá trình hòa giải, chị Nguyễn Thị L trình bày: Chị và anh Phan Hữu Tr tự nguyện sống với nhau như vợ chồng từ năm 2002, không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Hai người sống hạnh phúc với nhau được một thời gian dài và đã có với nhau 04 đứa con chung. Đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Tr sống tự do, thiếu trách nhiệm với gia đình, không quan tâm gì đến vợ con; thường xuyên uống rượu, to tiếng nặng lời, gây sự với vợ con. Mâu thuẫn giữa hai người cứ thế càng ngày càng trầm trọng. Không thể sống chung với nhau được nữa nên từ tháng 6/2014 đến nay hai người sống ly thân. Nay chị Nguyễn Thị L nhận thấy cuộc sống chung như vợ chồng không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Phan Hữu Tr là quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Hữu Tr có 04 đứa con chung: Cháu Phan Thị Ph, sinh ngày 15/3/2003; cháu Phan Thị Thúy V, sinh ngày 09/01/2005; cháu Phan Thị Thúy L, sinh ngày 03/6/2007 và cháu Phan Hữu Minh Q, sinh ngày 27/10/2012. Sau khi anh Tr và chị L sống ly thân thì cháu đầu là Phan Thị Ph sống chung với anh Tr, còn 3 cháu sau sống chung với chị L. Nay chị L và anh Tr không sống chung với nhau như vợ chồng nữa nên chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 3 cháu sau còn cháu đầu, từ trước đến nay ở với anh Tr nên giao cho anh Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Chị L không yêu cầu anh Tr phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị L.

Về tài sản chung: Anh Phan Hữu Tr và chị Nguyễn Thị L có một số tài sản chung, quá trình hòa giải, chị L yêu cầu Tòa án phân chia tài sản theo quy định pháp luật. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay chị L yêu cầu xin rút toàn bộ yêu cầu về việc phân chia tài sản chung giữa chị L và anh Tr.

Về nợ chung: Hiện tại anh Tr, chị L còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp, Chi nhánh Lộc H số tiền gốc là 38.000.000đ và số tiền lãi phát sinh. Số nợ này chị L yêu cầu mỗi người trả một nửa.

Anh Phan Hữu Tr vắng mặt tại phiên tòa nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, anh Tr trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Anh Phan Hữu Tr nhận thấy tình cảm giữa anh và chị L vẫn còn nên đề nghị chị L tha thứ để hai người tiếp tục sống chung với nhau như vợ chồng.

Về con chung: Nếu chị L và anh Tr không sống chung với nhau như vợ chồng nữa thì anh Tr có nguyện vọng là được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cả 4 người con và không yêu cầu chị L phải đóng góp tiền phí tổn nuôi con.

Về tài sản: Anh Phan Hữu Tr không yêu cầu giải quyết.

Đại diện Ngân hàng Nông nghiệp Chi nhánh Lộc H trình bày: Tính đến ngày 24/10/2018, anh Tr và chị L còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 38.000.000đồng và số tiền lãi tính đến ngày 24/10/2018 là 1.619.000đồng, tổng

cộng là 39.619.000đồng. Số tiền này yêu cầu chị L và anh Tr phải trả cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát trình bày:

Về quan hệ vợ chồng: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Phan Hữu Tr là quan hệ vợ chồng;

Về con chung: Đề nghị giao con Phan Thị Ph, sinh ngày 15/3/2003 cho anh Phan Hữu Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao các con: Phan Thị Thúy V, sinh ngày 09/01/2005; Phan Thị Thúy L, sinh ngày 03/6/2007 và Phan Hữu Minh Q, sinh ngày 27/10/2012 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Tại phiên tòa chị L yêu cầu rút yêu cầu về việc chia tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ việc giải quyết yêu cầu.

Về số tiền vay Ngân hàng: Anh Phan Hữu Tr và chị Nguyễn Thị L mỗi người chịu trách nhiệm trả một nửa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Anh Phan Hữu Tr đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do; Ngân hàng nông nghiệp chi nhánh huyện Lộc H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Phan Hữu Tr và Ngân hàng Nông nghiệp, phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Lộc H.

Anh Phan Hữu Tr và chị Nguyễn Thị L sống chung với nhau từ năm 2002 đến nay và đã có chung với nhau 4 người con nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Nay chị L yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Phan Hữu Tr là vợ chồng, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp, về việc “không công nhận là quan hệ vợ chồng”

[2] Về quan hệ vợ chồng: Anh Phan Hữu Tr và chị Nguyễn Thị L có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật sống chung với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Nay chị L thừa nhận cuộc sống chung giữa chị và anh Phan Hữu Tr không thể kéo dài; mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được nên cần áp dụng Điều 14, Khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh Phan Hữu Tr và chị Nguyễn Thị L.

[3] Về quan hệ con chung: Anh Phan Hữu Tr và chị Nguyễn Thị L có 04 người con chung. Xét nguyện vọng của anh Tr và chị L về việc nuôi con là phù hợp với thực tế, cũng như tình cảm của người cha, người mẹ dành cho các con. Tuy nhiên hiện tại anh Phan Hữu Tr sức khỏe yếu; không có việc làm và thu nhập ổn định, còn chị L làm nghề buôn bán ở chợ huyện, có điều kiện tốt hơn về kinh tế cũng như chủ động được về mặt thời gian trong việc chăm sóc con cái. Vì vậy cần giao con đầu là Phan Thị Ph, sinh ngày 15/3/2003 cho anh Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, còn 03 con sau là: Phan Thị Thúy V, sinh ngày 09/01/2005; Phan

Thị Thúy L, sinh ngày 03/6/2007 và Phan Hữu Minh Q, sinh ngày 27/10/2012 nên giao cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, như vậy cũng là phù hợp với nguyện vọng của các con.

Việc đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị L và anh Phan Hữu Tr không có yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về tài sản chung: Xét yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện của chị L là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử căn cứ Điểm c Khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự, quyết định đình chỉ việc giải quyết yêu cầu về việc phân chia tài sản chung của anh Phan Hữu Tr và chị Nguyễn Thị L. Anh Phan Hữu Tr và chị Nguyễn Thị L có quyền khởi kiện lại yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về nợ Ngân hàng: Tính đến ngày 24/10/2018, anh Phan Hữu Tr và chị Nguyễn Thị L còn nợ Ngân hàng Nông nghiệp Chi nhánh huyện Lộc H số tiền gốc và lãi là 39.619.000đồng. Đây là khoản nợ chung nên hai người phải có nghĩa vụ ngang nhau để trả nợ cho Ngân hàng.

[6] Về án phí: Chị Nguyễn Thị L và anh Phan Hữu Tr phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 59, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 143 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Phan Hữu Tr là quan hệ vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Giao con Phan Thị Ph, sinh ngày 15/3/2003 cho anh Phan Hữu Tr trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Giao các con: Phan Thị Thúy V, sinh ngày 09/01/2005; Phan Thị Thúy L, sinh ngày 03/6/2007 và Phan Hữu Minh Q, sinh ngày 27/10/2012 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phan Hữu Tr và chị Nguyễn Thị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

3. Anh Phan Hữu Tr và chị Nguyễn Thị L, mỗi người phải trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp, Phát triển nông thôn chi nhánh huyện Lộc H số tiền gốc và tiền lãi đến hết ngày 24/10/2018 là 19.809.500đồng (*Mười chín triệu tám trăm linh chín ngàn năm trăm đồng*)

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 990.475đồng tiền án phí trả nợ. Tổng cộng tiền án phí chị L phải nộp là 1.290.475đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đồng chị L đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0001633 ngày 08/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lộc H, tỉnh Hà Tĩnh, chị L còn

phải nộp tiếp số tiền 990.475 đồng (*Chín trăm chín mươi ngàn bốn trăm bảy lăm đồng*).

Anh Phan Hữu Tr phải chịu 990.475 đồng (*Chín trăm chín mươi ngàn bốn trăm bảy lăm đồng*) tiền án phí trả nợ.

5. Chị Nguyễn Thị L có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Phan Hữu Tr và Ngân hàng Nông nghiệp, Phát triển nông thôn Chi nhánh huyện Lộc H có quyền kháng cáo Bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc niêm yết Bản án.

6. Trường hợp bên có nghĩa vụ trả tiền, chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận giữa các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; nếu không thỏa thuận được thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

7. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án tỉnh;
- Tòa án cấp cao;
- Viện kiểm sát Lộc H;
- Chi cục THA dân sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Quang Nghị